TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 17/02/2023.
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 15 tháng 02 năm 2023 đến ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 274/2022/TLST-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2023/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 01 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2023 và quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 14/2023/QĐ-TĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn P, sinh năm 1997; *nơi cư trú*: Đường A, tổ B, khu phố C, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn*: Chị Hồ Thị Kim Đ, sinh năm 1985; *nơi cư trú*: Số A1, tổ B1, thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Anh Phạm Văn L, sinh năm 1979; *nơi cư trú*: Số A1, tổ B1, thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

+ Chị Lê Thị T, sinh năm 2003; *nơi cư trú*: Đường A, tổ B, khu phố C, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Văn Ph, sinh năm 1997; *nơi cư trú*: Đường A, tổ B, khu phố C, thị trấn ĐT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 8 năm 2022, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có anh Trần Văn P trình bày: Từ chỗ quen biết nên vào ngày 03/8/2022, chị Hồ Thị Kim Đ có vay của vợ chồng anh (vợ anh Phương tên là Lê Thị T) số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3.000 đồng/triệu/ngày. Khi vay tiền thì chị Đ có nói vay để kinh doanh buôn bán quán ăn (do vợ chồng chị Đ có kinh doanh quán nhậu tên BC thuộc thôn C1, xã NC). Sau khi vay tiền thì vợ chồng chị Đ có hành vi sang nhượng lại mặt bằng kinh doanh quán nhậu cho người khác và bỏ trốn đi khỏi nơi cư trú. Sau đó, anh đã nhiều lần liên lạc với vợ chồng chị Đ để yêu cầu trả nợ nhưng không thể liên lạc được. Từ ngày vay đến nay, vợ chồng chị Đ không trả tiền lãi và nợ gốc cho anh. Anh P yêu cầu vợ chồng chị Hồ Thị Kim Đ và anh Phạm Văn L phải liên đới trả cho vợ chồng anh số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, anh P đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết buộc một mình chị Hồ Thị Kim Đ phải trả cho vợ chồng anh số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Anh P không yêu cầu anh Phạm Văn L phải liên đới cùng chị Đ trả nợ.

Tòa án đã tiến hành tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do bị đơn chị Hồ Thị Kim Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L không đến Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật TTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật TTDS. Bị đơn, người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật TTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2022, tại Ban Điều hành thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh ghi nhận lời khai của ông Phạm Ngọc K- Thôn trưởng thôn C1, xã NC (bút lục số 36) và biên bản xác minh ngày 08/12/2022 tại nhà bà Nguyễn Thị T1 là mẹ ruột chị Hồ Thị Kim Đ (bút lục số 35) đều ghi nhận lời khai thể hiện: Hiện anh Phạm Văn L và chị Hồ Thị Kim Đ có nơi cư trú tại tổ B1, thôn C1, xã NC. Tuy nhiên, anh L và chị Đ đã đi khỏi địa phương nơi cư trú từ tháng 8/2022, hiện nay không có mặt tại địa phương, không biết địa chỉ mới, nơi cư trú mới ở đâu.

Như vậy, bị đơn chị Hồ Thị Kim Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L đã bỏ đi tại địa phương trước khi Tòa án thụ lý vụ án (21/10/2022). Việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng không được xem là tống đạt hợp lệ, các văn bản tống đạt cho người thân là bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột chị Đ), bà không biết chị Đ đang ở đâu để giao lại cho chị và anh L. Do đó, không được xem là tống đạt các văn bản, thông báo, quyết định và giấy triệu tập hợp lệ.

Vì vậy, để đảm bảo vụ án được giải quyết khách quan, triệt để và có cơ sở yêu cầu Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án thực hiện thủ tục Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để chị Đ và anh L được biết, nếu không có kết quả thì mới đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn chị Hồ Thị Kim Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai về việc giao giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Hồ Thị Kim Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L, thông qua việc giao các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị T1 (mẹ ruột chị Đ) và tiến hành lập biên bản niêm yết công khai, nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Tại các biên bản xác minh đều lập ngày 08/12/2022 (bút lục số 35, 36) có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Chị Đ và anh L là

vợ chồng, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C1, xã NC, huyện Đức Linh. Sau khi bị vỡ nợ thì vợ chồng chị Đ đã đi khỏi địa phương từ tháng 8/2022 đến nay.

Tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự có quy định *"Trường hợp người được cấp, tống đạt, thông báo vắng mặt thì người thực hiện việc cấp, tống đạt, thông báo phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ…Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án*".

Hơn nữa, tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có quy định: *Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*. Đối chiếu với nội dung trên thì thấy rằng, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn chị Hồ Thị Kim Đ theo như địa chỉ được ghi trong giấy mượn nợ lập ngày 03/8/2022. Do đó, việc chị Đ và anh L bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới nhưng không thông báo cho người khởi kiện (tức nguyên đơn anh Trần Văn P) biết thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Xét thấy thủ tục cấp, tống đạt, thông báo, tiến hành lập biên bản niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với các đương sự là đúng với quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở để khẳng định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét về tiền nợ gốc: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, thể hiện: Bị đơn chị Hồ Thị Kim Đ có

vay của nguyên đơn anh Trần Văn P số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) nhưng chưa trả là thực tế. Do đó, cần buộc chị Đ phải trả cho vợ chồng anh Trần Văn P và chị Lê Thị T số tiền nợ nêu trên là phù hợp pháp luật.

[2.3] Xét về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền nợ vay nên không phải xem xét.

[2.4] Xét về nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình bị đơn chị Hồ Thị Kim Đ phải trả nợ, không yêu cầu anh Phạm Văn L phải liên đới trả nợ. Vì vậy, cần buộc một mình chị Đ phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh Trần Văn P và chị Lê Thị T số tiền nợ vay nêu trên là phù hợp pháp luật.

[2.5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả nợ. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh cho rằng: Bị đơn chị Hồ Thị Kim Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn L đã bỏ đi khỏi địa phương trước khi Tòa án thụ lý vụ án. Do đó, việc tống đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho đương sự không được xem là tống đạt hợp lệ. Yêu cầu Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án thực hiện thủ tục Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để chị Đ và anh L được biết, nếu không có kết quả thì mới đưa vụ án ra xét xử. Thấy rằng, ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp như đã phân tích tại điểm [1.2] mục [1] phần nhận định của Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 5 Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm b khoản 1 Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn**.

1/ Buộc chị Hồ Thị Kim Đ phải trả cho vợ chồng anh Trần Văn P và chị Lê Thị T số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Trần Văn P và chị Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền chị Hồ Thị Kim Đ phải trả nêu trên, thì chị Đ còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

2/ Về án phí: Buộc chị Hồ Thị Kim Đ phải chịu số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh Trần Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012508 ngày 19 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/02/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Đức Linh,
-Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
-Các đương sự,
-Lưu qđ, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Thuận